

Số: 589/QĐ-SXD

Ninh Bình, ngày 12 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công bố công khai tình hình thực hiện  
dự toán ngân sách quý I năm 2018**

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-SXD ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2018 ;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2018 của Sở Xây dựng Ninh Bình cụ thể như sau:

*(Theo các biểu đính kèm).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được công bố công khai đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên cơ quan Sở Xây dựng.

**Điều 3.** Văn phòng Sở, các phòng chức năng và toàn thể cán bộ công chức, viên chức và nhân viên cơ quan thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- LĐ Sở;
- Lưu VT,KT.

**GIÁM ĐỐC**



**Cao Trường Sơn**

Đơn vị: SỞ XÂY DỰNG

Chương: 419

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2018**



Kèm theo QĐ số 589 / QĐ-SXD ngày 12 tháng 4 năm 2018)

ĐV tính: Ngân đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	770.000	148.582	19%	
1	Số thu phí, lệ phí	770.000	148.582	19%	
1.1	Lệ phí	20.000	23.150	116%	
*	Lệ phí cấp phép XD	4.000	2.850	71%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHDXD	16.000	20.300	127%	
1.2	Phí	750.000	125.432	17%	
*	Phí thẩm định đầu tư	650.000	125.432	19%	
*	Phí thẩm định đồ án QH	100.000	-		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-			
2.1	Chi sự nghiệp.....	-			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	693.000	101.000	15%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-			
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	77.000	35.693	46%	
3.1	Lệ phí	12.000	23.150	193%	
*	Lệ phí cấp phép XD	4.000	2.850	71%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHDXD	8.000	20.300	254%	
3.2	Phí	65.000	12.543	19%	
*	Phí thẩm định đầu tư	65.000	12.543	19%	
*	Phí thẩm định đồ án QH	-	-		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.520.000	1.012.000	8%	
1	Chi quản lý hành chính	5.246.000	1.012.000	19%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.913.000	1.012.000	26%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.333.000		0%	
1.2.1	Mua sắm	54.000		0%	
1.2.2	Sửa chữa	504.000		0%	
1.2.3	Chi hoạt động đào tạo	-			
2	Nhiệm vụ đặc thù	775.000		0%	
*	Kỷ niệm 60 năm thành lập ngành	100.000		0%	
*	Phòng chống lụt bão	20.000		0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
*	Trang phục thanh tra	35.000		0%	
*	Duy trì trang Web	43.000		0%	
*	Tập chí số giá XD	90.000		0%	
*	Xây dựng bộ đơn giá phần sửa chữa	108.000		0%	
*	XD đơn giá phần thí nghiệm VL ( Sửa đổi, bổ sung)	90.000		0%	
*	XD đơn giá dịch vụ xử lý chất thải rắn	90.000		0%	
*	Điều chỉnh, bổ sung đơn giá xây mới nhà cửa, VKT...	105.000		0%	
*	Kinh phí thực hiện CCHC	40.000		0%	
*	Kinh phí tiếp công dân, xử lý đơn thư	40.000		0%	
*	Duy trì cải tiến hệ thống ISO	12.000		0%	
*	Duy trì phần mềm Quản lý Tsan	2.000		0%	
<b>3</b>	<b>Nhiệm vụ tình giao</b>	<b>7.274.000</b>		0%	
*	Chương trình XD nông thôn mới	50.000		0%	
*	Quy hoạch phân khu Khu đô thị mở rộng về phía Nam (khu 1-2) trong quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	799.000		0%	
*	Quy hoạch phân khu khu đô thị hiện hữu (khu 1-1-c, 1-1-b) trong quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	807.000		0%	
*	Dự án quy hoạch xây dựng và phát triển hệ thống cây xanh đô thị NB đến năm 2025	898.000		0%	
*	Quy hoạch đô thị Gián khâu đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050	2.061.000		0%	
*	Quy hoạch vùng tỉnh Ninh Bình	2.000.000		0%	
*	điều chỉnh Quy hoạch phát triển sản xuất vật liệu xây dựng tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	659.000		0%	